TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 5 - ĐỒNG THÁP	**Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2026
V/v "tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Diễm**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

2. Ông **Phạm Trung Thành**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Liêu–** Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5- Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà **Trần Hương Linh** –Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thúy H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

2.Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H trình bày: Do quen biết và được sự chấp thuận của gia đình hai bên nên bà và ông Nguyễn Thanh H tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống H phúc được một thời gian đến năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ông H đánh đập bà, ông H có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường hay cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H không lo làm ăn chăm sóc gia đình mà thường xuyên đi nhậu. Chính thức ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 05/10/1991 và Nguyễn

Thanh H, sinh ngày 12/7/1998. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động. Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà H xin ly hôn với ông H. Về con chung: Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ý kiến trả lời.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H. Về con chung: Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa: Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét đánh giá các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà Nguyễn Thúy H được ly hôn ông Nguyễn Thanh H. Về con chung: đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thúy H và ông Nguyễn Thanh H do quen biết tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống thì vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông H đánh đập bà H, ông H có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường hay cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H không lo làm ăn chăm sóc gia đình mà thường xuyên đi nhậu. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H xác lập từ năm 1990. Sau thời gian chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Phía bà H xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông H, thời gian ly thân cũng đã lâu nhưng ông H cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông vẫn vắng mặt không rõ lý do chứng tỏ ông H không quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng với bà H, không muốn hàn gắn H phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà H được ly hôn ông H là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà H và ông H có hai con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 05/10/1991 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 12/7/1998. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thúy H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 235 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy H.

Cho bà Nguyễn Thúy H được ly hôn ông Nguyễn Thanh H.

2.Về án phí:

Bà Nguyễn Thúy H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0005700 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên không phải nộp tiếp.

3.Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thúy H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 5- Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm